

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2018/HS-ST

Ngày: 14-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Thẩm phán: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Linh

Ông Trần Gia Viễn

Ông Trịnh Bá Sơn

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Văn Bình, ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Đặng Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2018/TLST-HS ngày 27/4/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HS ngày 29/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Huyền Tr; tên gọi khác: Không; sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; trình độ văn hoá: 12/12; con ông: Lê Văn V, sinh năm: 1966 (Đã chết), con bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1967 (Đã chết); gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai; chồng bị cáo (chưa có đăng ký kết hôn): Lương Minh Đ, sinh năm: 1967; hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Ngọc Lý, tỉnh Bắc G; bị cáo có 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo có đơn xin đầu thú và bị giam giữ từ ngày 08/11/2017 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Đoàn Văn H**; tên gọi khác: Không; sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ văn hoá: 4/12; con ông: Đoàn Ngọc T, sinh năm: 1959, con bà: Đào Thị H, sinh năm: 1958; nghề nghiệp: Làm ruộng; đều trú tại: Thôn Q, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vợ: Bùi Thị H, sinh năm: 1981; nghề nghiệp: Làm ruộng; gia đình có 4 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 31/7/2015 bị Công an phường Trường Thi, thành phố Nam Nam Định, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính bằng hình thức: cảnh cáo về hành vi sử dụng trái pháp chất ma túy.

Bị cáo có đơn xin đầu thú và bị giam giữ từ ngày 07/11/2017 đến nay. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Quang T, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Số 32 T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Anh Nguyễn Quốc K, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số 460 Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

3. Anh Bùi Đức Th, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số 3 P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. (Những người bị hại đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Huyền Tr, sinh năm 1990 ở tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định không có nghề nghiệp ổn định. Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Lê Huyền Tr nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái rồi mang đi cầm cố lấy tiền. Qua mạng internet, Tr tìm được địa chỉ cho thuê xe ô tô tự lái của anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1980, trú tại số 32 T, phường T, thành phố N, Tr gọi điện thoại hỏi anh T về việc thuê xe tự lái thì được biết phải có bằng lái xe. Do Tr không có giấy phép lái xe nên Tr nói với Đoàn Văn H, sinh năm 1980 ở Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (là bạn của Tr) là Tr đang cần tiền và nhờ H đứng tên giúp Tr thuê xe ô

tô tự lái để mang đi cầm cố lấy tiền, H đồng ý (Bút lục số 93, 200). Ngày 17/07/2017, Tr và H đến cơ sở cho thuê xe ô tô tự lái của anh T đặt vấn đề thuê xe và nói dối với anh T là thuê xe để đi lễ đền ông Hoàng Bảy ở Lào Cai. Anh T tưởng thật nên đã ký Hợp đồng cho thuê xe với Tr, H có nội dung: anh T cho H thuê xe ô tô 7 chỗ tự lái nhãn hiệu Toyota Innova BKS: 29A-186.00, thời gian thuê xe là 5 ngày kể từ ngày 19/7/2017 đến ngày 24/7/2017, giá thuê xe là 800.000 đ/ngày (Bút lục số 397), Tr để lại chiếc xe máy Honda Click, BKS18T1-2409 mang tên chủ sở hữu Lương Đức Y, ở thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định (là bố chồng của Tr), 01 giấy phép lái xe bản chính, 01 chứng minh nhân dân bản chính mang tên Lê Huyền Tr, 01 sổ hộ khẩu bản phô tô để làm tài sản thế chấp đồng thời anh T bàn giao chiếc xe ô tô Toyota Innova biển số 29A - 18600 cùng bộ định vị và các giấy tờ xe cho Tr và H. Sau đó theo yêu cầu của Tr, H lái xe chở Tr đi đến huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội cầm cố xe cho Nguyễn Văn S, sinh năm 1992, trú tại, xã L, huyện C, thành phố Hà Nội lấy số tiền 170.000.000 đồng. Sau đó Tr ra ngân hàng Đông Á chi nhánh Đống Đa, Hà Nội chuyển số tiền 168.000.000 đồng vào tài khoản 0110128339 của anh Tạ Hoàng H nhà ở tỉnh Cà Mau để trả nợ, còn lại số tiền 2.000.000 đồng Tr dùng để chi tiêu cá nhân hết. Khi hết thời hạn thuê xe, Tr và H không trả xe cho anh T như đã cam kết đồng thời trốn tránh, cắt liên lạc với anh T. Ngày 28/7/2017 Nguyễn Văn S chủ hiệu cầm đồ đã cho anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1986, trú tại số 4, tổ 12, phường P, quận H, TP Hà Nội mượn xe ô tô Toyota Innova BKS 29A-18600 và anh Q điều khiển xe trên đi đến khu vực bến xe Yên Nghĩa - TP Hà Nội thì anh T phát hiện và gọi điện cho lực lượng cảnh sát 113 phối hợp với Công an phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đưa xe về công an phường Quang Trung để giải quyết (Bút lục số 274- 276, 280-282). Nhận thấy Tr, H có hành vi lừa đảo nên ngày 01/8/2017 anh Nguyễn Quang Trung có đơn trình báo và giao nộp xe máy cùng các giấy tờ của Tr đã để lại làm tài sản thế chấp (Bút lục 388) đến cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đề nghị giải quyết. Ngày 03/08/2017, Công an phường Quang T, quận Hà Đông đã bàn giao chiếc xe ô tô trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định (Bút lục số 277).

Do xe đã bị Công an phường Quang Trung tạm giữ nên Nguyễn Văn S yêu cầu Tr và H thanh toán số tiền đã cầm cố hoặc phải có xe khác thế chấp thay cho chiếc xe Toyota Innova BKS: 29A-186.00 đã bị giữ. Ngày 29/7/2017 H và Tr đến gặp anh Nguyễn Quốc K, sinh năm 1984, trú tại: Số 3 P, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định (là chủ cơ sở cho thuê xe ô tô tự lái đã cho H thuê một số lần trước

đây) đặt vấn đề thuê xe và nói dối anh K là thuê xe để về quê. Anh K tưởng thật nên ký Hợp đồng cho thuê xe với Tr, H có nội dung: anh Bùi Đức Th (là người đứng tên cùng anh K mở cơ sở cho thuê xe ô tô tự lái) cho H thuê xe ô tô Toyota Innova BKS: 29A- 959.38, thời gian 7 ngày, giá thuê là 800.000đ/ ngày (Bút lục số 354), H để lại chiếc xe máy LiFan không giấy tờ gắn BKS 18S4-8348 (xe của H mua phụ tùng tự lắp ráp), 01 thẻ căn cước công dân mang tên Đoàn Văn H để làm tin đồng thời anh K bàn giao chiếc xe ô tô Toyota Innova BKS: 29A - 959.38, bộ định vị của xe cùng giấy tờ xe cho H. Sau khi nhận được xe, H lái xe chở Tr lên gặp S tại đường cạnh Ủy ban nhân dân xã Lam Điền, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội và giao xe cho S, S định giá chiếc xe là 140.000.000đ và yêu cầu Tr trả thêm 50.000.000đ nữa (trong đó 20.000.000đ là tiền lãi), Tr nói chỉ có 19.000.000 đồng. S đồng ý nhận xe và nhận 19.000.000 đồng nhưng không viết giấy biên nhận. Sau khi hết hạn hợp đồng, anh K yêu cầu trả xe nhưng Tr và H không trả và trốn tránh, cắt liên lạc với anh K. Ngày 29/8/2017 anh Nguyễn Quốc K đã có đơn trình báo sự việc và giao nộp xe máy cùng giấy tờ của H để làm tin đến cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định. Sau khi biết bị anh K tố cáo, ngày 09/9/2017 H đi lên Hà Nội lấy xe ô tô Toyota Innova BKS: 29A- 959.38 về trả lại cho anh K, sau đó anh K và H đã giao nộp xe lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Nam Định để giải quyết theo quy định (Bút lục số 355).

Ngày 02/11/2017, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã khởi tố vụ án và khởi tố bị can đối với Lê Huyền Tr, Đoàn Văn H nhưng hai đối tượng bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với Tr, H. Sau đó, Tr và H đến Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đầu thú và Tr giao nộp 01 điện thoại di động màu đen trắng nhãn hiệu Nokia model TA-1034, 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Nokia 220 đã sử dụng để liên lạc với H và anh T trong việc thuê xe ô tô đi cầm cố (Bút lục số 330,331), H giao nộp 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Nokia 1200 đã sử dụng để liên lạc trong việc thuê xe ô tô đi cầm cố (Bút lục số 333).

Tại CQĐT, Tr và H thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên và khai nhận: Tr, H và Nguyễn Đức G, sinh năm 1987, ở xóm 1 M, xã M, thành phố Nam Định (nguyên cán bộ PC47 Công an tỉnh Nam Định) là bạn bè với nhau. Năm 2015, Tr cho G vay 150.000.000 đồng. Khoảng tháng 7/2017, Tr cần tiền trả nợ và đã đòi tiền G nhưng G nói không có và bảo Tr thuê xe tự lái đem về G sẽ nhờ người cầm cố giúp để Tr lấy tiền trả nợ. Sau đó Tr đã nhờ H thuê xe tự lái của anh T như nêu trên. Sau khi

nhận xe, Tr thông báo cho G nhưng G bận nên ngày 21/07/2017 theo sự hướng dẫn của G, H lái xe chở Tr, G lên huyện Chương Mỹ gặp anh Vũ Văn H, sinh năm 1991 ở thôn C, xã , huyện Ch, thành phố Hà Nội đang làm công an huyện Chương Mỹ (là bạn của G) để anh H dẫn đi cầm cố xe. Sau đó H dẫn Tr, H, G đến cầm cố xe cho Nguyễn Văn S. Khi cầm cố xe G viết giấy cầm cố cho S và Tr nhận toàn bộ số tiền cầm cố là 170.000.000 đồng. Sau khi xe bị anh T phát hiện và báo Công an thu giữ, S gọi điện dọa báo Công an nên Tr, H đã thuê xe của anh K lên cầm cố cho S. Khi cầm cố S không viết giấy tờ gì cho Tr và bảo S chỉ làm việc với G. Hôm sau G đi taxi cùng Tr, H lên huyện Chương Mỹ gặp S, tại đây Tr đã viết giấy có nội dung Tr bán xe cho G và G viết giấy cho S nhưng Tr không rõ nội dung và đưa cả hai giấy này cho S sau đó cả ba đi xe khách về Nam Định. Khi biết bị anh K tố cáo, G gọi điện cho H. Ngày 09/9/2017, theo yêu cầu của G, H đã cùng G và mẹ đẻ của G là bà Đỗ Thị Nga, sinh năm 1962 ở thôn Đồng Quỹ, xã Nam Tiến, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định đi taxi lên huyện Chương Mỹ chuộc xe và H lái xe về trả cho anh K (các bút lục từ số 79 đến 1261).

Tại CQĐT, Nguyễn Đức G, Vũ Văn H và bà Đỗ Thị Nga không thừa nhận đã dẫn Tr, H đi cầm cố và chuộc xe ô tô như Tr, H đã khai (Bút lục số 463 đến 497, số 511,512).

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh đối tượng Nguyễn Văn S, sinh năm 1992, trú tại thôn U, xã L, huyện Ch, thành phố Hà Nội là người cầm cố xe cho Tr, H. Hiện Nguyễn Văn S không có mặt tại địa phương. Chị Tạ Thị H, sinh năm 1996, trú tại Thôn U, xã L, huyện Ch, TP Hà Nội là vợ của S khai nhận không biết S đi đâu làm gì. Tiến hành khám xét tại nhà S không thu giữ được tài liệu gì có liên quan. Cơ quan điều tra đã nhiều lần gửi giấy triệu tập cho gia đình S nhưng S không có mặt để làm việc với quan điều tra. Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm đối tượng số 18 ngày 09/01/2018 gửi công an các địa phương nhưng đến nay chưa có kết quả.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 06/08/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xác định: xe ô tô Innova BKS 29A-18600 trị giá 450.000.000 đồng (Bút lục số 264).

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 20/09/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xác định: xe ô tô Innova BKS 29A-95938 trị giá 400.000.000 đồng (Bút lục số 285).

Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Nguyễn Quốc K xe ô tô Toyota Innova BKS: 29A-959.38 và thiết bị định vị và các giấy tờ xe, trả lại cho anh Nguyễn Quang Trung xe ô tô Toyota Innova BKS: 29A-186.00 và các giấy tờ xe (Bút lục số 352, 386).

- Về chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click BKS 18T1-2409 mang tên chủ sở hữu Lương Đức Y: Đây là xe máy do anh Lương Văn S là con trai của ông Y đang quản lý, ông Y mất từ năm 2012. Ngày 20/06/2017, Tr là vợ của Đ nhưng không có đăng ký kết hôn (em trai anh S) mượn xe để đi lại, anh S không biết Tr mang xe đi cầm cố cho anh T để lừa đảo: Cơ quan điều tra đã trả lại xe máy này cho anh Sỹ (Bút lục số 319 đến 328)

- Số vật chứng đã thu giữ còn lại chuyển đến Cục thi hành án dân sự chờ xử lý.

- Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi bị anh K và anh T tố cáo, H đã chuộc xe ô tô về trả cho anh K. Tr đã hoàn trả cho anh T, anh K số tiền thuê xe tương ứng với số ngày mang đi cầm cố nên anh K và anh T không có yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Tr, H (Bút lục số 353, 427).

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 24/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Lê Huyền Tr và Đoàn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Các bị cáo Lê Huyền Tr và Đoàn Văn H đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa đã luận tội đối với các bị cáo sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999: Xử phạt bị cáo Lê Huyền Tr từ 13 đến 14 năm tù. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H từ 12 đến 13 năm tù. Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, quá trình giải quyết vụ án người bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Vì vậy không đề cập giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Lê Huyền Tr đã lên kế hoạch, rủ rê Đoàn Văn H đến cơ sở cho thuê xe ô tô tự lái để gian dối ký hợp đồng thuê xe nhằm chiếm đoạt đem đi cầm cố lấy tiền. Tr, H đến gặp anh Nguyễn Quang T, ở số 32, đường Tô H Thành, phường Trường Thi, thành phố Nam Định vào ngày 17/07/2017 và gặp anh Nguyễn Quốc K ở 460 Đ, xã N, thành phố N vào ngày 27/07/2017 nói dối là muốn thuê xe ô tô tự lái để đi lại, làm anh T tin tưởng giao xe ô tô Toyota Innova BKS: 29A-186.00 trị giá 450.000.000 đồng và làm anh K tin tưởng giao xe Toyota Innova BKS: 29A-959.38 trị giá 400.000.000 đồng cho Tr, H. Tr, H đã chiếm đoạt hai xe ô tô này tổng trị giá là 850.000.000 đồng đem đi cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Đối với Nguyễn Đức G, Vũ Văn H và Nguyễn Văn S mặc dù bị cáo Tr và H đã khai báo về toàn bộ nội dung liên quan đến các đối tượng trên, tuy nhiên đây là lời khai từ 1 phía người phạm tội. Mặt khác tại cơ quan điều tra G, H đều không khai nhận mình liên quan đến việc Tr, H cầm cố 2 chiếc xe ô tô cho S. Đối tượng Nguyễn Văn S hiện nay không có mặt tại địa phương không về làm việc với cơ quan điều tra, chưa thu giữ được các tài liệu liên quan nên tách phần việc liên quan đến 3 đối tượng trên để tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

Hành vi của các bị cáo Tr, H đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 139 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, với tính chất tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, tính chất đặc biệt nghiêm trọng được thể hiện ở số tiền mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của những người bị hại, gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội, bản thân các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự cũng như khả

năng nhận thức về những điều cấm của pháp luật trong việc bảo vệ quyền sở hữu về tài sản của công dân. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Người bị hại là anh Nguyễn Quang T và anh Nguyễn Quốc K có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo; sau khi phạm tội các bị cáo ra đầu thú; bản thân bị cáo H đã có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam. Vì vậy cần xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Về các tình tiết, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS để xử phạt đối với các bị cáo và cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, để cải tạo giáo dục đối với bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã chuộc xe ô tô trả cho người bị hại cùng với số tiền thuê xe tương ứng với số ngày mang đi cầm cố nên anh K và anh T không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 76 BLTTHS năm 2003 ; Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động Nokia 220 màu đen đã thu giữ của bị cáo Tr; 01 (Một) chiếc điện thoại di động Nokia 1200 màu đen đã thu giữ của bị cáo H. Vì các bị cáo đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

Tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Dream LiFan mang BKS 18S4-8348; đã thu giữ của bị cáo H. Vì bị cáo đã sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội.

Tuyên trả lại cho bị cáo Tr 01 (Một) chiếc điện thoại di động Nokia màu đen trắng; Nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

Tuyên trả lại cho bị cáo Tr 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Lê Huyền Tr số 113477772 do Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 02/01/2009; 01 (Một) Giấy phép lái xe hạng A1 của bị cáo Lê Huyền Tr số AK432722 cấp ngày 17/3/2011 tại Hòa Bình.

Tuyên trả lại cho bị cáo H 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Đoàn Văn H số 036080001967.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Huyền Tr và Đoàn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999:

Xử phạt bị cáo Lê Huyền Tr 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 08/11/2017, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 07/11/2017, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 76 BLTTHS năm 2003.

Tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động Nokia 220 màu đen đã thu giữ của bị cáo Tr; 01 (Một) chiếc điện thoại di động Nokia 1200 màu đen đã thu giữ của bị cáo H.

Tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Dream LiFan mang BKS 18S4-8348; đã thu giữ của bị cáo H.

Tuyên trả lại cho bị cáo Tr 01 (Một) chiếc điện thoại di động Nokia màu đen trắng; nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

Tuyên trả lại cho bị cáo Tr 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Lê Huyền Tr số 113477772 do Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 02/01/2009; 01 (Một) Giấy phép lái xe hạng A1 của bị cáo Lê Huyền Tr số AK432722 cấp ngày 17/3/2011 tại Hòa Bình.

Tuyên trả lại cho bị cáo H 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Đoàn Văn H số 036080001967.

(Chi tiết vật chứng có trong biên bản giao nhận vật chứng số 44/18, ngày 04 tháng 5 năm 2018 giữa phòng PC44 - Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 98, Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Huyền Tr và Đoàn Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, đã báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND.CC và VKSND.CC
- VKSND và CA tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Vũ Hà Nam

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Định, ngày 14 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10h.30 phút ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hà Nam

- Thẩm phán: Bà Mai Thị Minh Hồng

- Các hội thẩm: Ông Trần Linh

Ông Trần Gia Viễn

Ông Trịnh Bá Sơn

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2018/TLST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018 đối với:

Các bị cáo Lê Huyền Tr; nơi cư trú: Tổ dân phố Song Khê, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định và Đoàn Văn H; nơi cư trú: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Ý kiến của ông Trần Linh:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Huyền Tr và Đoàn Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Lê Huyền Tr 14 (Mười bốn) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 08/11/2017.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Văn H 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 07/11/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999; Điều 76 BLTTHS năm 2003.

Tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động Nokia 220 màu đen đã thu giữ của bị cáo Tr; 01 (Một) chiếc điện thoại di động Nokia 1200 màu đen đã thu giữ của bị cáo H.

Tuyên tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Dream LiFan mang BKS 18S4-8348; đã thu giữ của bị cáo H.

Tuyên trả lại cho bị cáo Tr 01 (Một) chiếc điện thoại di động Nokia màu đen trắng; nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

Tuyên trả lại cho bị cáo Tr 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Lê Huyền Tr số 113477772 do Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 02/01/2009; 01 (Một) Giấy

phép lái xe hạng A1 của bị cáo Lê Huyền Tr số AK432722 cấp ngày 17/3/2011 tại Hòa Bình.

Tuyên trả lại cho bị cáo H 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân của bị cáo Đoàn Văn H số 036080001967.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án:

Buộc các bị cáo Lê Huyền Tr và Đoàn Văn H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông Vũ Hà Nam, bà Mai Thị Minh Hồng và các ông Trần Gia Viễn, Trịnh Bá Sơn hoàn toàn nhất trí với ý kiến của ông Trần Linh như đã nêu trên.

Kết quả biểu quyết 5/5 = 100%.